

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/DS-PT
Ngày 29-12-2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Kim Châu

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Văn Nh, sinh năm 1953 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Th, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Tr, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956

3. Chị Lâm Thị Mai T, sinh năm 1978

4. Chị Lâm Thị Bích H, sinh năm 1986

5. Anh Lâm Ng, sinh năm 1990 (có mặt)

6. Chị Huỳnh H, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp Th, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

7. Chị Thạch Kim Kiều O, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Khóm A, Phường X, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Đ, chị T, chị H, chị O:* ông Lâm Văn Nh, sinh năm 1953; Nơi cư trú: ấp Th, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2021).

8. Anh Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1984 (có mặt)

9. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

10. Chị Lê Thị Thúy K, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp Tr, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

11. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết ông Lâm Văn Nh trình bày: Thừa đất số 198, diện tích 4.380m² và thửa đất số 198A, diện tích 440m² cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Th, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc do cụ Nguyễn Thị T mua lại của cụ Nguyễn Văn T và cụ Ngô Thị C, diện tích là 0,50,00, địa bộ số 122, lô 76, vào năm 1933, thể hiện tại tờ đoạn mãi đất năm 1933 và sổ mục kê. Sau đó, cụ T cho lại bà ngoại ông là cụ Nguyễn Thị Th. Đến năm 1983, cụ Th kê khai diện tích đất đang sử dụng theo chỉ thị của Nhà nước tại thửa 198, diện tích 3.550m², cụ Th đã cho lại cụ Nguyễn Thị H (mẹ ruột ông) thửa đất số 198. Đến ngày 20/02/1992, cụ Th và cụ H đã cho ông thửa đất số 198, việc cho tặng này thể hiện tại tờ phân chia ruộng đất ngày 20/02/1992. Ngày 13/7/1996, Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 198, diện tích 4.380m², tờ bản đồ số 1 cho hộ ông Lâm Văn Nh đứng tên và Ủy ban nhân dân huyện L cũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 198A, diện tích 440m², tờ bản đồ số 1 cho hộ ông Nguyễn Văn Ch đứng tên. Theo tài liệu trích lục bản đồ năm 1983, thửa đất số 198 vị trí nằm ngay góc giao giữa Hương lộ 1 và Rạch. Theo tài liệu trích lục bản đồ năm 1996, thửa đất 198A chiết ra từ thửa 198 có vị trí nằm ngay tại góc giao giữa Hương lộ 1 và Rạch, thể hiện thửa đất 198 bị lấn chiếm một phần tại góc giao giữa Hương lộ 1 và Rạch và tách một phần thửa 198A. Hộ gia đình ông đã trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 440m² từ năm 1933 đến năm 1981 thì bị hộ ông Nguyễn Văn Ch lấn chiếm, đến năm 1990, ông có ngăn cản, tranh chấp với hộ ông Ch và yêu cầu cha sở họ đạo X là ông Nguyễn Văn Th đứng ra khuyên giải nhưng không thành. Đến năm 2013, nhận thấy không thể hòa giải được với hộ ông Ch nên ông đã khởi kiện vụ án đến chính quyền địa phương giải quyết nhưng cũng không thành. Đến năm 2018 ông khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Tài sản trên đất tranh chấp diện tích 440 m² do phía ông Ch, bà C quản lý sử dụng gồm có một căn nhà khung bằng cây bạch đằng và tre, vách cây, mái lá nền gạch tàu, một số loại cây như dừa, xoài, cam, quýt, bưởi,... và cát san lấp toàn bộ đất tranh chấp là khoảng 600m³.

Nay ông Nh yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 198A, tờ bản đồ số 1, diện tích 440m² đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch năm 1996 và điều chỉnh trang 4 cho bà Nguyễn Thị C vào năm 2009, buộc hộ bà C di dời toàn bộ tài sản trên đất gồm căn nhà, cây trồng và cát san lấp để trả lại cho hộ gia đình ông diện tích đất theo hiện trạng đo đạc là 487,9m² và công nhận cho hộ gia đình ông toàn bộ diện tích đất này (trong đó diện tích 379,7m² thuộc thửa đất 198A và 108,2m² chưa được cấp quyền sử dụng đất cho ai nhưng gia đình ông đã kê khai với cơ quan nhà nước vào năm 1983).

Bà Nguyễn Thị C trình bày: Thửa đất số 198A, tờ bản đồ số 1, diện tích 440m² (theo hiện trạng đo đạc là 379,7m²), mục đích sử dụng đất: Ao, tọa lạc tại ấp Th, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch vào ngày 13/7/1996 chỉnh lý trang 4 cho bà là Nguyễn Thị C đứng tên quyền sử dụng đất ngày 02/01/2009 và phần diện tích đo đạc theo hiện trạng bà đang sử dụng là 108,2m² (giáp rạch Giồng Tượng) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai có nguồn gốc diện tích 234,8m² (phần A) trước giải phóng là của Nhà chung (tức Nhà thờ họ đạo X), do ông bà ngoại chồng của bà là cụ Trần Văn C, cụ Lai Thị H có công làm từ Nhà thờ nên Nhà thờ tặng cho cụ C và cụ H sử dụng, cụ C và cụ H cho lại cha mẹ chồng bà là cụ Nguyễn Văn H, cụ Trần Thị L sử dụng. Đến năm 1981, cụ H và cụ L tặng cho vợ chồng bà sử dụng. Đến năm 1989 -1990, vợ chồng bà mua của bà Nguyễn Thị X (chết) diện tích là 144,9m² (phần B) giá 500.000 đồng và mua của ông Nguyễn Văn D diện tích là 108,2m² (phần C) giá 500.000 đồng và 01 chỉ vàng 24kra. Vợ chồng bà sử dụng toàn bộ 03 phần đất này có tổng diện tích theo hiện trạng là 487,9m² ổn định không ai tranh chấp. Đến năm 1993 ông Ch kê khai và năm 1996 được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 198A, diện tích 440 m² (theo hiện trạng đo đạc là 379,7m²), còn phần mua của ông Nguyễn Văn D theo hiện trạng đo đạc là phần C diện tích là 108,2m² gia đình bà sử dụng canh tác từ trước đến nay nhưng không biết lý do vì sao chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng bà nghĩ phần diện tích 108,2m² đã được cấp quyền sử dụng đất nằm chung trong thửa 198A, diện tích 440m² nên không có ý kiến gì. Khi ông Ch kê khai và cơ quan chuyên môn đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phía hộ giáp ranh là ông Lâm Văn Nh có chứng kiến và thống nhất ranh có ký tên vào hồ sơ đo đạc. Toàn bộ phần đất 487,9m² trước đây là mương lá. Đến khoảng năm 2000 gia đình bà bơm cát san lấp trên toàn bộ mương (ao) với tổng cộng khoảng 600m³ cát lấp. Gia đình bà sử dụng ổn định xây dựng nhà, trồng cây trên đất như dừa, mít, xoài, mận, quýt, bưởi...

Nay bà không đồng ý toàn bộ các yêu cầu của ông Lâm Văn Nh vì đất tranh chấp gia đình bà được ông bà tặng cho vợ chồng bà một phần và một phần mua lại của bà X, ông D. Năm 1996 được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho ông Ch chồng bà đứng tên thửa đất 198A, đến năm 2008 ông Ch chết, năm 2009 bà nhận thừa kế thửa đất 198A hợp pháp. Đối với phần diện tích 108,2m² gia đình bà đang sử dụng nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của phía ông Nh thì đối với phần cát

bơm san lấp ao, cây trồng dừa, xoài, cam, quýt, bưởi, ...căn nhà gắn liền với đất bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lâm Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn trình bày: Đất tranh chấp do ông Nh quyết định, anh không có ý kiến gì.

Anh Nguyễn Quốc Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn trình bày: Anh không đồng ý toàn bộ yêu cầu của phía nguyên đơn vì đất tranh chấp gia đình anh đã được Nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần diện tích 108,2m² gia đình anh đang sử dụng nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của phía ông Nh thì đối với phần cát bơm san lấp ao, cây trồng như dừa, xoài, cam, quýt, bưởi, ...căn nhà gắn liền với đất anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 12/7/2021 ông Nguyễn Hữu K có lời trình bày như sau: Ông giữ nguyên quan điểm tại báo cáo số 26/BC-TNMT ngày 24/02/202 và công văn số 423/UBND-NC ngày 26/02/2020, báo cáo số 53/BC-TNMT ngày 23/3/2020 và công văn số 738/UBND-NC ngày 25/3/2020 khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Ch và trình tự, thủ tục tặng cho bà Nguyễn Thị C thửa đất số 198A, diện tích 440 m², tọa lạc ấp Th, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục. Đối với kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, diện tích 108,2m² là kênh rạch hiện nay chưa cấp giấy cho ai cả, phần diện tích này thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Nh về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 198A, tờ bản đồ số 1, diện tích 440m² đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch năm 1996 và điều chỉnh trang 4 cho bà Nguyễn Thị C vào năm 2009, buộc hộ bà C di dời toàn bộ tài sản trên đất gồm căn nhà, cây trồng và cát san lấp để trả lại cho hộ gia đình ông diện tích đất theo hiện trạng đo đạc là 487,9m² và công nhận cho hộ gia đình ông toàn bộ diện tích đất này (trong đó diện tích 379,7m² thuộc thửa đất 198A và 108,2m² chưa được cấp quyền sử dụng đất cho ai).

Để đảm bảo đến khi án có hiệu lực pháp luật nghiêm cấm các bên làm thay đổi hiện trạng, mục đích sử dụng đất hoặc hủy hoại đất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 15/8/2022 ông Lâm Văn Nh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn Nh là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, đất tranh chấp tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh nên Tòa án nhân dân huyện Càng Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung đơn kháng cáo của ông Lâm Văn Nh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đất tranh chấp theo công văn số 44/CNHCL ngày 08/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thể hiện diện tích đất tranh chấp theo hiện trạng 487,9m² (trong đó diện tích nhà là 80,3m²), cụ thể:

Phần A, B, diện tích 379,7 m² thuộc thửa 198A.

Phần C, diện tích 108,2m² theo tài liệu năm 1996 là kênh, rạch.

[3] Về nguồn gốc đất tranh chấp theo ông Nh khai do bà cố ông là cụ Nguyễn Thị T mua cho lại của bà ngoại ông là cụ Nguyễn Thị Th, năm 1983 cụ Th kê khai sổ mục kê tại thửa đất số 198 diện tích 3.550m², đến năm 1992 cụ Th và cụ H cho ông sử dụng. Bà C khai nguồn gốc diện tích đất tranh chấp theo hiện trạng là 487,9m² (trong này có 234,8m²(phần A) từ trước năm 1975 là của nhà thờ họ đạo X cho ông bà bên chồng của bà sử dụng, đến năm 1981 cho lại vợ chồng bà sử dụng. Đến năm 1989 – 1990 bà và ông Ch mua của bà Nguyễn Thị X diện tích 144,9m² (phần B), mua của ông Nguyễn Văn D diện tích 108,2m² (phần C). Đến năm 1996, ông Ch chồng bà kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất.

[4] Tờ đoạn mãi đất năm 1933 thể hiện cụ T, cụ C ký tên đoạn mãi cho cụ T

hai sỡ ruộng tại làng P, ấp H trong đó số địa bộ 312 là đất ruộng không phải là đất Ao (bút lục 49). Tại tờ phân chia ruộng vườn cho các con của cụ Nguyễn Thị H lập ngày 20/02/1992 cũng thể hiện “chia cho Lâm Văn Nhg phần ruộng vườn của ông bà để lại...” không thể hiện cụ thể phần đất nào (bút lục 50a), đồng thời cũng không có tài liệu nào chứng minh được phần đất số địa bộ 312 hay đất cụ Nguyễn Thị H cho ông Nh ngay vị trí thửa đất số 198, 198A.

[5] Theo sổ mục kê năm 1983, cụ Th kê khai thửa đất số 198, diện tích 3.550m², loại đất Thổ - quả (bút lục 82-83), đến ngày 26/5/1996, ông Nh xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất số 198, diện tích 4.380m², mục đích sử dụng đất ở - quả, đăng ký tăng so với năm 1983 là 830m² (bút lục 81). Ngày 28/5/1996, ông Ch xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa 198A, diện tích 440m², mục đích sử dụng đất Ao (bút lục 78). Ngày 13/7/1996, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lâm Văn Nh thửa đất số 198, diện tích 4.380m², mục đích sử dụng đất ở - quả (bút lục 267) và cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch thửa đất số 198A, diện tích 440m², mục đích sử dụng đất Ao (bút lục 62) không ai khiếu nại.

[6] Về quá trình canh tác sử dụng đất: Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, ông Nh đều thừa nhận diện tích đất tranh chấp từ năm 1981 đến nay gia đình ông không sử dụng mà do ông Ch, bà C sử dụng. Quá trình sử dụng, vào năm 2000 phía ông Ch, bà C bơm cát san lấp ao, xây dựng nhà và trồng cây lâu năm trên đất trong khi nhà ông Nh ở gần đó trông thấy, biết nhưng không ngăn cản.

[7] Tại Công văn số: 423/UBND-NC ngày 26/02/2020 và công văn số 738 UBND-NC ngày 25/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện L cũng khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Ch tại thửa 198A, diện tích 440m², tờ bản đồ số 1, đất tại ấp Th, xã P, huyện L, tỉnh Trà Vinh là đúng đối tượng, trình tự thủ tục theo quy định. Đối với diện tích 108,2 m² theo kết quả khảo sát, đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì diện tích 108,2 m² là kênh rạch hiện nay chưa cấp quyền sử dụng đất cho ai cả, phần diện tích này thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

[8] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ khẳng định phần đất tranh chấp thửa 198A, diện tích theo hiện trạng đo đạc là 379,7m² (phần A, B), phía bà C cải tạo và sử dụng quyền sử dụng đất tranh chấp ổn định, ngay tình, liên tục, công khai từ năm 1981 đến nay trên 40 năm. Đồng thời, ông Ch đã thực hiện kê khai quyền sử dụng đất năm 1996 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2008 ông Ch chết, năm 2009 được điều chỉnh biên động trang 4 cho bà Nguyễn Thị C (nhận thừa kế), phía ông Ch, bà C thực hiện đầy đủ nghĩa vụ người sử dụng đất với Nhà nước và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định Điều 18, Điều 48 Luật Đất đai 1987 thời điểm đó và phù hợp Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 hiện hành. Đối với diện tích 108,2 m² (phần C) thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Nh là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông

Lâm Văn Nh không có căn cứ chấp nhận.

[9] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên do ông Lâm Văn Nh là người cao tuổi, có yêu cầu xin miễn án phí và được hội đồng xét xử chấp nhận nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH miễn án phí phúc thẩm cho ông Lâm Văn Nh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 14, Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn Nh.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Nh về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 198A, tờ bản đồ số 1, diện tích 440m² đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch năm 1996 và điều chỉnh trang 4 cho bà Nguyễn Thị C vào năm 2009, buộc hộ bà C di dời toàn bộ tài sản trên đất gồm căn nhà, cây trồng và cát san lấp để trả lại cho hộ gia đình ông diện tích đất theo hiện trạng đo đạc là 487,9m² và công nhận cho hộ gia đình ông toàn bộ diện tích đất này (trong đó diện tích 379,7m² thuộc thửa đất 198A và 108,2m² chưa được cấp quyền sử dụng đất cho ai).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lâm Văn Nh phải chịu số tiền chi phí thẩm định, định giá là 4.286.400 đồng (Bốn triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng) nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá của ông Nh đã nộp. Ông Nh đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn Nh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Lâm Văn Nh được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ái Loan